TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày: 26/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải Lý và bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Chí Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh ngày: 20/4/1980, tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L (đã chết) và bà Tân Thị A, sinh năm: 1952; có vợ Huỳnh Thị Xuân L, sinh năm: 1985 và có 04 người con chung; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2018 cho đến hiện nay. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo ủy quyền ông Trương Văn T, chức vụ: Chi cục phó Chi cục thuế huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 4, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trương Văn T, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 10, Phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Hoàng Y, sinh năm 1985; địa chỉ: 206 Trần Phú, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Trần Quốc H, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Tạ Thu T, sinh năm 1981; địa chỉ: 184B Phan Đình Phùng, Phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Phan Tất T, sinh năm 1983; địa chỉ: 42/10 Lê Lợi, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Lương Thị Thúy T, sinh năm 1972; địa chỉ: Làng C, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà Nguyễn Thi Thu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ông Hồ Viết Ngọc M, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: Đội 1, thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Bà Trần Thị Kim V, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Ông Hồ Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: 226 Nguyễn Huệ, tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Ông Trần Công M, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Quỳnh 3, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

17. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

18. Ông Uông Hải L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

19. Ông Huỳnh Phi C, sinh năm 1988; địa chỉ: 325 Hùng Vương, tổ dân phố 2, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

20. Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

21. Ông Lê Anh D, sinh năm 1967; địa chỉ: 40 đường 17/3, tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

22. Bà Huỳnh Thị Xuân L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

23. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

Từ năm 2013 đến tháng 6/2017, bị cáo Lê Văn C được Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai phân công giữ chức vụ Đội phó đội tổng hợp nghiệp vụ, dự toán và thu khác, có nhiệm vụ thu thuế trước bạ và quản lý biên lai thu thuế. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao và mối quan hệ quen biết với anh Phan Tất T, Trần Quốc H và chị Tạ Thu T đều là nhân viên bán hàng Phòng kinh doanh thuộc Công ty cổ phần D chi nhánh Gia Lai. Bị cáo nói anh T "Khi nào có khách hàng mua xe ô tô, ủy quyền

cho T nộp thuế trước bạ thì đến Chi cục thuế huyện Đ nộp để đạt chỉ tiêu thu thuế của đơn vị". Anh T đồng ý và thống nhất với bị cáo về việc nộp thuế trước bạ bằng hình thức: Khi làm hồ sơ đăng ký xe ô tô, T dùng điện thoại di động chụp hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ của khách hàng mua xe rồi gửi qua mạng Zalo để bị cáo làm căn cứ viết biên lai thu thuế trước bạ. Sau khi kiểm tra hồ sơ và xác định số tiền thuế phải nộp, bị cáo gọi điện thoại nói T nộp tiền vào số tài khoản 62210000123432 của bị cáo mở tại Ngân hàng BIDV hoặc bị cáo đến Công ty nơi anh T làm việc để nhận tiền. Để chiếm đoạt được số tiền thuế trên và tránh sự phát hiện, bị cáo viết biên lai thu thuế bằng cách: Quyển biên lai thu thuế có tất cả 03 liên, bị cáo lấy một tờ giấy đặt sau liên 2 (biên lai đỏ) để khi viết không hằn chữ lên liên 3 rồi sử dụng một cây bút bi hết mực ghi nội dung người nộp tiền thuế trước bạ xe ô tô ở liên 1 để hằn mực than lên liên 2, sau đó giao liên 2 cho anh T, còn liên 1 và liên 3 lưu giữ tại cơ quan Thuế. Để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền thu thuế trước bạ xe ô tô, bị cáo sử dụng bút có mực ghi nội dung thông tin người nộp thuế xe mô tô và số tiền phải nộp lên liên 1 và 3 rồi nộp số tiền đó tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong năm 2016 thông qua anh T, bị cáo đã viết 12 biên lai tiền thu thuế trước bạ xe ô tô với số tiền là 330.800.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Biên lai số 0025980 ngày 25/01/2016, ghi người nộp tiền Hoàng Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ dân phố 06, thị trấn C, huyện C, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81A-091.52, số tiền 64.600.000 đồng.

2. Biên lai số 0004083 ngày 04/5/2016, ghi người nộp tiền Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện Đ, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81A-099.95, số tiền 58.500.000 đồng.

3. Biên lai số 0004650 ngày 07/7/2016, ghi người nộp tiền Trần Thị Kim V, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện Đ, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81B-012.08, số tiền 17.000.000 đồng.

4. Biên lai số 0009651 ngày 13/7/2016, ghi người nộp tiền Nguyễn Hữu H, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ dân phố 01, thị trấn I, huyện I, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-105.64, số tiền 18.300.000 đồng.

5. Biên lai số 0009743 ngày 03/8/2016, ghi người nộp tiền Huỳnh Phi C, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố 02, thị trấn I, huyện I, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-106.86, số tiền 16.000.000 đồng.

6. Biên lai số 0024853 ngày 23/8/2016, ghi người nộp tiền Trần Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện Đ, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81B-011.74, số tiền 16.900.000 đồng.

7. Biên lai số 0009921 ngày 30/8/2016, ghi người nộp tiền Trần Công M, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn Quỳnh 3, xã C, huyện K, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-109.75, số tiền 12.900.000 đồng.

8. Biên lai số 0010255 ngày 23/9/2016, ghi người nộp tiền Lê Anh D, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ dân phố 06, thị trấn C, huyện C, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81A-111.09, số tiền 56.500.000 đồng.

9. Biên lai số 0010365 ngày 29/9/2016, ghi người nộp tiền Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Đoàn Kết, xã B, huyện Chư P, Gia Lai, đứng tên chủ xe 81C-111.91, số tiền 18.100.000 đồng.

10. Biên lai số 0010365 ngày 29/9/2016, ghi người nộp tiền Hồ Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 02, thị trấn K, huyện Kô, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-111.24, số tiền 18.100.000 đồng.

11. Biên lai số 0035045 ngày 01/12/2016, ghi người nộp tiền Uông Hải L, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ dân phố 03, thị trấn I, huyện I, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-115.19, số tiền 15.900.000 đồng.

12. Biên lai số 0035264 ngày 16/12/2016, ghi người nộp tiền Lương Thị Thúy T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Làng C, xã K, huyện M, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-118.08, số tiền 18.000.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo viết biên lai thu tiền thuế trước bạ của anh Trần Quốc H 03 trường hợp với số tiền 40.940.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Biên lai số 0010737 ngày 23/11/2016, ghi người nộp tiền Nguyễn Duy C, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ dân phố 01, thị trấn P, huyện C, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-115.66, số tiền 12.840.000 đồng.

2. Biên lai số 0025263 ngày 26/12/2016, ghi người nộp tiền Hồ Viết Ngọc M, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn 01, xã T, huyện C, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-118.92, số tiền 15.200.000 đồng.

3. Biên lai số 0035262 ngày 26/12/2016, ghi người nộp tiền Nguyễn Văn B, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn I, xã I, huyện Đ, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81C-118.82, số tiền 12.900.000 đồng.

Bị cáo viết biên lai thu tiền thuế trước bạ của chị Tạ Thị T 01 biên lai thu thuế số 0035146 ngày 12/12/2016, ghi người nộp tiền Đinh Thị B, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn H, xã I, huyện Đ, Gia Lai, đứng tên chủ xe BKS 81A-116.26, số tiền 62.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo viết trên 16 biên lai là 433.740.000 đồng, trừ đi số tiền mà bị cáo tiền đã nộp thuế tại kho bạc Nhà Nước huyện Đ là 370.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt là 433.370.000 đồng.

Ngày 23/5/2017 Cơ quan kiểm toán làm việc với Chi cục thuế huyện Đ xác định bị cáo chiếm đoạt tiền thu thuế trước bạ xe ô tô tại các biên lai (0009651 số tiền 18.300.000 đồng; 0009921 số tiền 12.900.000 đồng; 0010255 số tiền 56.500.000 đồng). Ngày 24/5/2017 bị cáo đã nộp Kho bạc Nhà nước huyện Đ với số tiền là 87.700.000 đồng để khắc phục hậu quả. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, ngày 16/6/2017 bị cáo đã tự ý nghỉ việc và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 22/6/2017, Cục thuế tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với bị cáo. Đến ngày 27/12/2017 bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ đầu thú.

Quá trình điều tra xác định để chiếm đoạt được tiền thuế trước bạ xe ô tô ghi trên các biên lai thu thuế, bị cáo đã nhiều lần giả chữ ký, chữ viết của ông Trương Văn T - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Đ ghi trên các tờ khai thu lệ phí trước bạ xe ô tô, việc bị cáo giả chữ ký của lãnh đạo Chi cục thuế huyện Đ, mục đích để chiếm đoạt tiền

thuế, vì vậy hành vi trên của không có dấu hiệu của tội làm giả tài liệu của cơ quan nhà nước.

Ngoài ra bị cáo còn có hành vi giả chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân H - Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Đ trong các thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất để chuyển nhượng quyền sự dụng đất của gia đình bị cáo cho người khác, nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền, tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện đã có văn bản thông báo các cơ quan có liên quan để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/4/2018, bị cáo đã tác động vợ là Huỳnh Thị Xuân L tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ số tiền 15.000.000 đồng. Như vậy, Lê Văn C đã khắc phục được tổng cộng số tiền 102.700.000 đồng, còn lại 330.670.000 đồng chưa khắc phục.

Tại bản cáo trạng số: 04/Ctr-VKS ngày 16/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Tham ô tài sản" quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "Tham ô tài sản". Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 04 đến 05 năm tù.

Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền còn lại 330.670.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra không yêu cầu về phần dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

Xử lý vật chứng vụ án và buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị cáo Lê Văn C là cán bộ của Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong công tác đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao liên hệ với các anh Phan Tất T, Trần Quốc H và chị Tạ Thu T đều là nhân viên bán hàng Phòng kinh doanh thuộc Công ty cổ phần D chi nhánh Gia Lai, khi nào có khách hàng mua xe ô tô thì làm thủ tục nộp thuế tại Chi cục thuế huyện Đ. Mục đích của bị cáo là chiếm đoạt số tiền nộp thuế, nên trong năm 2016 thông qua anh T, anh H và chị T bị cáo đã viết 16 biên lai nộp thuế và chiếm đoạt tiền thu thuế xe ô tô là 433.370.000 đồng.

Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 433.370.000 đồng là có giá trị lớn nên hành vi của bị cáo đã rơi vào tình tiết định khung tăng nặng, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 278 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng xét thấy tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội "Tham ô tài sản" quy định "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến đưới 500.000.000 đồng" để định khung hình phạt, là nhẹ hơn so với bộ luật hình sự năm 1999. Để có căn cứ áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo nên căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định " Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng

nặng, quy định hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành". Bị cáo đã thực hiện hành vi viết 16 biên lai nộp thuế trên liên 1, liên 3 và liên 2 có nội dung và số tiền khác nhau để chiếm đoạt số tiền nộp thuế chênh lệch, mỗi lần chiếm đoạt số tiền trên 16 hóa đơn đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã rơi vào trường hợp phạm tội nhiều lần. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Chúng phạm tội "Tham ô tài sản" được quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự 2015.

Đối với hành vi giả chữ ký và chữ viết của lãnh đạo Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai ghi trên các tờ khai thu lệ phí trước bạ xe ô tô vì mục đích để chiếm đoạt tiền thuế và trong các thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất để chuyển nhượng quyền sự dụng đất của gia đình bị cáo cho người khác, nhưng không nhằm mục đích khác. Vì vậy, hành vi trên của bị cáo không có dấu hiệu của tội làm giả tài liệu của cơ quan nhà nước nên không bị xử lý là đúng pháp luật.

Để nhật xét và đánh giá đúng nội dung tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Xét về hành vi tham ô tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước của Chi cục thuế huyện Đa, tỉnh Gia Lai và xâm phạm đến nguồn ngân sách Nhà nước, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng uy tín của cán bộ công chức đối với nhân dân, ảnh hưởng đến công tác phòng chống tham nhũng tại địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung. Để có tiền phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự lỏng lẻo trong công tác quản lý, thu chi tài chính để chiếm đoạt số tiền 433.370.000 đồng mà bị cáo phải có trách nhiệm phải nộp ngân sách Nhà nước, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng hành vi của mình là trái pháp luật và mọi hành vi xâm phạm đến quyền về tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phát hiện bị cáo đã nộp số tiền 87.700.000 đồng và gia đình đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; tại phiên tòa thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra 27/12/2017 bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có tình tiết tăng nặng vì áp dụng tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" định khung tăng nặng hình phạt nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xét tính chất của vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nhưng bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s

khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên khi quyết định hình phạt xét thấy cần phải áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

Xét thấy bị cáo bị phạt hình phạt tù có thời hạn nên không thể đảm nhiệm công tác trong các cơ quan, tổ chức nghề nghiệp trong một khoản thời gian nhất định, tính nguy hiểm của hành vi bị cáo gây ra cho xã hội không còn nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự để phạt bổ sung đối với bị cáo cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã nộp số tiền 102.700.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Buộc bị cáo phải tiếp tục hoàn trả lại cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền còn lại là 330.670.000 đồng.

Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai có nghĩa vụ liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai để nhận lại số tiền mà bị cáo, gia đình đã nộp và có nghĩa vụ nộp lại số tiền mà bị cáo đã hoàn trả lại vào ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra không yêu cầu về phần dân sự đối với bị cáo nên không xem xét. Khi nào có yêu cầu về phần dân sự đối với bị cáo thì giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Lê Văn C 01 cây bút bi đã hết mực, thân bút có chữ MobiFone, bút không có nắp đậy. Xét không còn giá trị xử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015.

Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Xử phạt: Lê Văn C 04 năm 06 tháng tù (bốn năm sáu tháng tù). Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 09/01/2018.

3. Xử buộc: Lê Văn C phải hoàn trả lại cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền còn lại là 330.670.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai có nghĩa vụ liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai để nhận lại số tiền mà bị cáo và gia đình đã nộp và có nghĩa vụ nộp lại số tiền mà bị cáo đã hoàn trả lại vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

Xử tịch thu tiêu hủy các tang vật sau đây: 01 cây bút bi đã hết mực, thân bút có chữ MobiFone, bút không có nắp đậy.

Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Xử buộc: Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 16.533.500 đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/7/2018) bị cáo và nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Ngọc Bình